

IRAN - LỊCH SỬ VÀ NHỮNG CUỘC CÁCH MẠNG

Cao Văn Liên*

I. THỜI KỲ CỔ - TRUNG ĐẠI: VƯƠNG QUỐC MÊ ĐI VÀ ĐẾ QUỐC BA TƯ

1. Vương quốc Mê Đi

Cộng hoà Hồi giáo Iran ngày nay nằm ở Tây Nam châu Á, giáp với biển Caxpi, Thổ Nhĩ Kỳ, Irắc, vịnh Pecxich, vịnh Ôman, biển Arập, Apganixtan và Pakixtan. Diện tích 1.648.000 km², dân số khoảng 65 triệu người, bao gồm 30 dân tộc, tộc người sinh sống, trong đó người Iran chiếm 51%, còn lại là người Angiêri, người Cuốc, người Arập, người Adeccaigian. 93% cư dân theo đạo Hồi. Ngôn ngữ chính là tiếng Iran. Dân cư đô thị chiếm 57%, nông thôn chiếm 43%. Thủ đô Têhêran khoảng hơn 8 triệu người. Iran là quốc gia giàu có nhờ dầu mỏ và khí đốt. Tổng sản phẩm quốc dân GDP đạt 98.990 triệu USD, tổng sản phẩm quốc dân tính theo đầu người 3.716 USD. Đồng Ria là đơn vị tiền tệ của đất nước.

Iran là quốc gia có lịch sử lâu đời. Trên cao nguyên Iran vào khoảng 2300 năm

TCN, người Aria, thủy tổ của người Iran đã xuất hiện ở miền Bắc, sau đó định cư trên toàn bộ lãnh thổ Iran. Trong đó quan trọng nhất là tộc người Mê Đi và Ba Tư. Đầu thế kỷ VII TCN, công xã nguyên thủy của những tộc người này đang trên đường tan rã, ra đời chế độ tư hữu, giai cấp và nhà nước. Đó là hình thái kinh tế - xã hội chiếm hữu nô lệ. Đôđôxét, một thủ lĩnh hùng mạnh đã lập ra vương quốc Mê Đi. Nhưng sau đó vương quốc Mê Đi phụ thuộc vương quốc Atxiri. Năm 612 TCN Xiaxarô, thủ lĩnh của Mêđi đã đánh bại Atxiri, thống nhất các bộ lạc trên cao nguyên Iran, lập nên vương quốc Mêđi hùng mạnh hơn vương quốc Mêđi đầu tiên. Biên giới của vương quốc phía đông là vùng trung tâm cao nguyên Iran, phía tây tới sông Halít và bắc Xi Ri, phía nam là vịnh Ba Tư, phía bắc giáp Hắc Hải và Lý Hải.

2. Đế quốc Ba Tư

Trong thời kỳ cổ đại nói trên, các bộ lạc người Ba Tư cũng nói tiếng Iran, cùng sống trên cao nguyên với người Mê Đi, nhưng khi xã hội có giai cấp thì người Ba

* Phó giáo sư, Tiến sĩ
Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Tư bị người Mê-Đi thống trị. Thế kỷ VI TCN, dưới sự lãnh đạo của Xirút thuộc dòng họ Ackêmênít, các bộ tộc người Ba Tư đã vùng dậy chống lại ách thống trị của người Mê-Đi. Năm 549 TCN, Người Ba Tư đánh chiếm được Écbatan, kinh đô của người Mê-Đi. Vua Xirút cướp bóc tất cả của cải, ruộng đất của người Mê-Đi và biến họ thành nô lệ. Xirút xây dựng một quân đội hùng mạnh, phát động chiến tranh xâm lược các nước láng giềng. Quân đội Ba Tư nhanh chóng đánh chiếm vùng Acmênia (Trung Á), Cappadôxơ năm 546 TCN, sau đó đánh chiếm Li Bi, chiếm thủ đô Xác đơ, bắt vua Li Bi Crêzút làm tù binh. Tất cả những thành phố ở vùng Tiểu Á và những thành phố của Hi Lạp ven biển Êgiê đều bị quân Ba Tư đánh chiếm. Năm 538 TCN, quân Ba Tư đánh chiếm Lưỡng Hà-Babilon. Đến đây đế quốc Ba Tư có lãnh thổ vô cùng rộng lớn. Xirút ngạo mạn tự xưng là vua của “vũ trụ”, thống trị bốn phương. Dù vậy Xirút vẫn chưa thoả mãn tham vọng, còn tiến quân đánh Ai Cập, chinh phục các bộ tộc Xacxơ và Mátxazeto vào năm 530 TCN. Nhưng tại đây quân đội Ba Tư thất bại lớn, bản thân Xirút vua của “vũ trụ” cũng bị tử trận.

Cambiro nối ngôi Xirút tiếp tục cuộc viễn chinh Ai Cập năm 525 TCN, nhưng bị chặn đứng lại, không thực hiện được mưu đồ mở rộng đế quốc. Tuy nhiên vào thế kỷ V TCN, đế quốc Ba Tư vẫn phát triển cực thịnh dưới thời vua Đariút I, lãnh thổ Ba Tư thời kỳ này bao gồm những vùng rộng lớn kéo dài từ sông Ấn tới tiểu Á và Ai Cập. Đariút I tiến hành một loạt chính sách cải cách hành chính, kinh tế và quân sự. Để củng cố bộ máy nhà nước, Đariút I xây dựng một hệ thống

quan lại từ trung ương đến địa phương, củng cố hơn nữa nhà nước quân chủ chuyên chế tập quyền chủ nô. Nhà vua nắm tất cả quyền lực: quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp, quyền tổng chỉ huy quân đội. Giúp việc cho vua ở trung ương có nhiều quan lại cao cấp gồm 7 viên đại thần và một viên quan có vị trí cao nhất có nhiệm vụ giám sát quan lại ở địa phương. Toàn đế quốc rộng lớn được chia thành 20 quận. Mỗi quận do một viên tổng đốc đứng đầu. Tổng đốc do nhà vua trực tiếp bổ nhiệm, nắm quyền hành chính và quyền tư pháp. Bên cạnh tổng đốc, vua cử đến một viên quan chỉ huy quân đội ở quận, viên tướng này trực thuộc trung ương, không trực thuộc tổng đốc. Như vậy, quyền hành chính, quân sự ở địa phương không thuộc một người để chúng không có thế lực lớn có thể chống lại triều đình trung ương. Vua Ba Tư là tổng chỉ huy quân đội. Dưới vua có 5 viên tư lệnh, mỗi viên tư lệnh phụ trách quân đội một vùng mà cấp dưới của họ là các viên tướng chỉ huy quân đội ở cấp quận.

Nhà nước Ba Tư ra sức xây dựng và phát triển giao thông thuỷ, bộ. Đariút I sai đắp nhiều con đường lớn nối liền những vùng quan trọng của đế quốc. Như con đường kéo dài từ Êfezơ gần Địa Trung Hải nối với thủ đô Xuzơ dài 2400 km. Trên con đường “xa lộ” này cứ cách 25 km có một nhà nghỉ để hành khách nghỉ ngơi. Con đường này được gọi là “Con đường nhà vua”. Trên từng chặng đường, nhà nước đặt các trạm dịch có lính và ngựa trực để chạy giấy tờ, thông báo tin tức. Cho nên người Ba Tư nổi tiếng trong thời kỳ cổ - trung đại là thông tin liên lạc nhanh chóng. Thời Đariút I còn phát

triển hệ thống sông đào, nhà vua đã ra lệnh đào con sông nối liền sông Nin với biển Hồng Hải để tàu bè có thể đi từ Ai Cập đến Ba Tư.

Đariút I thống trị đế quốc Ba Tư bằng quân đội, các cơ quan hành chính và luật pháp. Chỗ dựa xã hội của nhà nước quân chủ chuyên chế là giai cấp chủ nô, tầng lớp. Ban đầu tôn giáo nhà nước là đa thần, nhưng sau đó đạo Zô rô Astơ trở thành tôn giáo quốc gia. Nhà nước dựa vào nền kinh tế nông nghiệp là chủ yếu nhưng vẫn phát triển thủ công nghiệp và thương mại. Nhà vua Ba Tư nắm quyền sở hữu tối cao về ruộng đất trong toàn quốc, trên cơ sở đó nhà nước và giai cấp chủ nô ra sức bóc lột nông dân và nô lệ một cách tàn khốc. Chế độ nô lệ ở đế quốc Ba Tư như Các Mác gọi là chế độ nô lệ “không điển hình”, là chế độ nô lệ “gia trưởng”, là một kiểu đặc thù của “phương thức sản xuất châu Á”.

Trong lịch sử cổ đại, không phải bao giờ đế quốc Ba Tư cũng chiến thắng. Năm 490 TCN, vua Đariút I đem quân đội vượt biển Ba Tư mở cuộc xâm lược vào Hi Lạp. Nhân dân Hi Lạp đứng đầu là Thành bang Aten đã đánh bại bộ binh Ba Tư ở đèo Maratông trên đồng bằng Áttích, 6400 quân Ba Tư bị tiêu diệt. Cuộc xâm lược lần thứ nhất của Ba Tư vào Hi Lạp thất bại¹. Năm 480 TCN, vua Ba Tư là Xecxét dùng tới 1.700.000 bộ binh, 1207 chiến thuyền ào ạt tấn công Hi Lạp. Người Hi

¹ Để báo tin thắng trận, một chiến sĩ Hi Lạp đã chạy từ Maratông về thủ đô Aten với chặng đường dài khoảng 45 km, chỉ kịp kêu lên: “Quân ta đã chiến thắng” và anh hi sinh. Để kỷ niệm chiến công của người chiến sĩ, nhân dân Aten đã đưa môn chạy Maratông là một trong các môn thi trong ngày lễ hội tế thần Dớt ở Olimpia. Ngày nay, môn chạy Maratông là một trong những môn gian khổ nhất trong đấu trường Olympic thế giới.

Lạp đã đốt cháy toàn bộ chiến thuyền của hải quân Ba Tư ở vịnh Xalamin, sau đó bộ binh Ba Tư cũng bị đánh bại. Tổng chỉ huy quân đội Ba Tư - tướng Mácđôniút tử trận. Cuộc xâm lược lần 2 vào Hi Lạp hoàn toàn thất bại, kéo theo sự sụp đổ tham vọng làm bá chủ Nam Âu của đế quốc Ba Tư.

Từ giữa thế kỷ IV TCN, đế quốc Ba Tư bắt đầu suy yếu. Các tổng đốc ở các quận nổi dậy chống lại chính quyền trung ương của Hoàng Đế. Năm 333 TCN, Alêchxandơ vua của Maxêđonia, một quốc gia nhỏ ở bán đảo Ban Căng đã đánh chiếm Ba Tư mở đầu cho cuộc xâm lược phương Đông của vị Hoàng Đế, nhà quân sự lỗi lạc này². Năm 331 TCN vua Ba Tư Đariút III bị Alêchxandơ đánh bại và bị giết chết cùng toàn bộ Hoàng gia. Trang lịch sử huy hoàng của đế quốc Ba Tư chấm dứt.

Thế kỷ III sau công nguyên, quốc gia Ba Tư - Iran lại hồi phục và lớn mạnh. Năm 260 vua Ba Tư Samét I đã đánh bại quân La Mã, Hoàng đế La Mã Valerien bị bắt và bị giết chết, lãnh thổ Đông La Mã bị đẩy lùi đến sông Óforát (Lưỡng Hà). Năm 628 vua Ba Tư Abát chết, chấm dứt thời kỳ phục hưng rực rỡ của đế quốc từ thế kỷ III đến thế kỷ VII. Thế kỷ VII Hồi giáo từ đế quốc Arập được du nhập vào Ba Tư. Thế kỷ XIII Ba Tư bị đế quốc Mông Cổ xâm lược và thống trị. Thế kỷ XIV Ba Tư thoát khỏi sự thống trị của đế quốc Mông Cổ, trở thành Ba Tư - Iran độc lập, phát triển phồn vinh dưới các triều đại Saphavít, triều đại Quada. Triều đại

² Ông là một trong 10 danh nhân quân sự thế giới, được Hội đồng Khoa học quân sự thế giới bầu năm 1984 tại Luân Đôn.

Quada đã dời kinh đô từ Ixophahan về Têhêran. Thế kỷ XVI-XVII dưới vương triều Xêfêvít, Iran vẫn tiếp tục hưng thịnh về kinh tế, văn hoá. Đầu thế kỷ XVIII, sau khi lật đổ sự thống trị của người Apganixtan (thống trị Iran từ 1722-1730), Iran giành độc lập và phát triển, đất đai mở rộng sang Apganixtan, Buha, Hiva, bắc Ấn Độ và ngoại Cápcadơ.

Giữa thế kỷ XVIII, chế độ phong kiến Iran bước vào giai đoạn suy tàn, biên giới bị thu hẹp, đất nước bị chia cắt. Chính quyền địa phương nổi dậy chống lại chính quyền trung ương. Các quý tộc (Khan) địa phương gây xung đột với nhau làm cho Iran ngày càng suy yếu, tạo điều kiện cho chủ nghĩa tư bản phương Tây xâm nhập. Trang lịch sử cổ - trung đại Iran chấm dứt, lịch sử Iran bước vào thời kỳ cận - hiện đại.

II. IRAN THỜI KỲ CẬN - HIỆN ĐẠI: NHỮNG CUỘC CÁCH MẠNG

1. Cách mạng 1905 - 1911

Đầu thế kỷ XIX, trên con đường xâm lược thuộc địa, các cường quốc tư bản châu Âu đã nhòm ngó Iran vì vị trí chiến lược quân sự và thương mại quan trọng. Iran còn là thị trường cung cấp nguyên liệu, nhân công rẻ mạt, tiêu thụ hàng hoá cho các nước tư bản. Nửa đầu thế kỷ XIX, những cuộc chiến tranh xâm lược Iran của các nước tư bản châu Âu bắt đầu. Chiến tranh giữa Anh và Pháp để tranh giành Iran, chiến tranh Nga-Iran các năm 1804 - 1813 và 1826-1828. Thực dân Anh bắt đầu đẩy mạnh xâm lược Iran vào các năm 30 - 40 của thế kỷ XIX. Trước những cuộc xâm lược của chủ nghĩa tư bản phương Tây, Iran mất dần quyền độc lập dân tộc. Năm 1841 triều đình Iran ký với Anh hiệp ước

bất bình đẳng trong đó Iran nhượng cho Anh nắm quyền ngoại giao, quyền tự do mua hàng không đóng thuế, đánh thuế thấp hàng hoá của Anh nhập vào Iran không quá 5%³. Năm 1845 những hiệp ước bất bình đẳng như vậy cũng được Iran ký với Nga, Pháp và các nước tư bản châu Âu khác. Cuối cùng, Iran bị biến thành nước nửa thuộc địa nửa phong kiến. “Ở Iran, sự thao túng của chủ nghĩa thực dân lớn hơn ở các nước thuộc địa châu Á khác. Iran không chỉ phụ thuộc về kinh tế mà còn phụ thuộc cả về chính trị”⁴. Thế lực mạnh nhất ở Iran là Anh và Nga. Thực dân Anh làm chủ ở miền Nam, đế quốc Nga làm chủ ở miền Bắc. Trong khoảng 10 năm, từ 1862 đến 1872 triều đình Iran phải ký 4 thoả ước với Anh, thừa nhận Anh có quyền xây dựng đường điện tín liên lạc từ Luân Đôn đến Ấn Độ Dương. Xây dựng đường điện tín này sẽ mở rộng ảnh hưởng của Anh ở Iran vì họ được lập các trạm bưu điện khắp nơi có nhân viên Anh cư trú làm việc và được hưởng “quyền tài phán đối ngoại”⁵. Tư bản Anh còn nắm quyền xây dựng và kiểm soát con đường đá ở miền Trung và Nam Iran. Người Anh nắm độc quyền vận chuyển trên sông Carun. Ở miền Bắc, tư bản Nga cũng xây dựng đường đá và những trạm điện tín. Các công ty tư bản Anh, Nga nắm được nhiều đặc quyền đặc lợi ở Iran. Công ty Râyte của Anh được thành lập ngân hàng, được độc quyền phát hành tiền giấy, được tham

³ Từ sách đại học Tổng hợp. Giáo trình lịch sử thế giới cận đại, phần 2 Hà Nội, 1973. tr. 246.

⁴ Nguyễn Thị Thư, Nguyễn Hồng Bích, Nguyễn Văn Sơn. Lịch sử Trung-Cận Đông. NXB Giáo dục. H. 2004. Tr.174.

⁵ Quyền người Anh không chịu sự điều chỉnh của pháp luật Iran.

gia vào ngân quỹ của nhà nước Iran, tham gia vào định chế quan thuế, kiểm soát chi tiêu của triều đình và kiểm soát tiền tệ. Hăng Tambót của Anh được độc quyền mua bán và chế biến thuốc lá. Tư bản Nga giành được những nhượng ước về quyền kiểm soát nghề đánh cá ở ven biển nam Caxpi, thành lập nhà ngân hàng ở miền Bắc. Tư bản Bỉ được quyền xây dựng những nhà giải trí, sòng bạc. Pháp được quyền khai thác khảo cổ học⁶. Năm 1901 Anh buộc Quốc vương Iran cấp cho nhà tài chính Anh D.Arcy hợp đồng nhượng địa được độc quyền khai thác nguồn lợi trên cả nước, trừ 5 tỉnh miền Bắc. Ngoài Anh và Nga, Đức, Bỉ, Pháp cũng đã đặt chân đến Iran.

Như vậy, cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, những nguồn lợi cơ bản của Iran đều nằm trong tay tư bản phương Tây. Iran phụ thuộc kinh tế, thành thị trường đầu tư, tiêu thụ, cung cấp nguyên liệu, nhân công rẻ mạt cho Anh và Nga là hai cường quốc có thế lực mạnh nhất ở đây.

Từ lệ thuộc kinh tế, Iran mất dần độc lập về chính trị. Triều đại Nátétđin (1848-1896) ngã hẳn về thân phương Tây. Nhà vua đã 3 lần đi thăm các nước châu Âu. Việc tập luyện và tổ chức quân đội Iran giao cho sĩ quan người Nga, Áo, Đức, Pháp và Italia. Người nước ngoài còn tham gia vào bộ máy nhà nước phong kiến Iran: Bộ trưởng Bưu điện là người Anh, đứng đầu ngành quan thuế là người Bỉ, người Nga nắm các chức vụ quan trọng ở thủ đô Têhêran và ở miền Bắc. Người Anh nắm các chức vụ trong bộ máy chính quyền ở

miền Nam. Iran bị biến thành nước nửa thuộc địa nửa phong kiến⁷. Nhân dân Iran bị hai tầng áp bức, bóc lột của bọn phong kiến phản động trong nước và bọn tư bản nước ngoài. Iran muốn bảo vệ được độc lập, nhân dân có quyền sống và phát triển thì phải thực hiện cuộc cách mạng dân tộc dân chủ. Đó là nhiệm vụ lịch sử của Iran trong thời kỳ cận đại.

Do sự du nhập quan hệ tư bản chủ nghĩa của nước ngoài vào mà kinh tế Iran có sự chuyển biến, ra đời những nhân tố kinh tế tư bản chủ nghĩa. Từ sự chuyển biến về kinh tế, xã hội Iran cũng chuyển biến. Bên cạnh nông dân là giai cấp cũ, ra đời những giai tầng mới như tư sản, thị dân và giai cấp công nhân. Những tư tưởng dân chủ tư sản từ bên ngoài đã được những trí thức tư sản Iran truyền bá vào, những cuộc cách mạng dân chủ tư sản ở Trung Quốc, cách mạng dân chủ tư sản ở Nga năm 1905 đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến Iran. Tất cả đã tạo nên tiền đề kinh tế, xã hội, tư tưởng cho cuộc cách mạng. Những mâu thuẫn dân tộc và mâu thuẫn giai cấp gay gắt trong xã hội Iran là những nguyên nhân bùng nổ cách mạng.

Giai cấp tư sản dân tộc Iran lãnh đạo cách mạng, nhưng tham gia lãnh đạo còn có địa chủ, tầng lữ vì họ cũng mâu thuẫn quyền lợi với phong kiến và đế quốc. Giáo hội xung đột gay gắt với nhà vua. Lực lượng tham gia đông đảo nhất là nông dân, ngoài ra còn có thị dân, công nhân. Mục tiêu của cách mạng là chống đế quốc

⁶ Từ sách đại học Tổng hợp. Giáo trình lịch sử thế giới Cận đại, phần 2. Hà nội. 1973. tr.248.

⁷ Khái niệm này trong lịch sử chỉ những quốc gia phong kiến (châu Á) bị chủ nghĩa tư bản phương Tây xâm nhập nhưng còn một ít độc lập, khác với nước thuộc địa nửa phong kiến mất hoàn toàn độc lập và còn nhiều tàn tích phong kiến.

phong kiến, chống triều đình phản động, đòi quyền dân sinh, dân chủ, giành quyền độc lập dân tộc. Hình thức đấu tranh rất phong phú và mới theo với sự chuyển biến của xã hội Iran thời kỳ cận đại. Ban đầu là những cuộc bãi thị chống chính phủ của nhân dân ở thủ đô Têhêran ngày 13-12-1905. Tiếp đó, tầng lữ cấp cao tập trung nhân dân vào Thánh đường bắt đầu phong trào "Best"⁸. Đây là một hình thức đấu tranh có hiệu quả của cách mạng chống lại chính quyền phong kiến. Ngày 16-7-1906, phong trào "Best" lên đến 13 nghìn người, trong đó có sự tham gia của nhiều tầng lữ cao cấp⁹. Nhưng hình thức mạnh mẽ nhất của cách mạng Iran là mít tinh biểu tình của quần chúng nhân dân ở thủ đô Têhêran và ở nhiều thành phố khác. Ban lãnh đạo phong trào "Best" đã gửi yêu sách lên quốc vương Iran đòi cách chức tên thủ tướng phản động trong chính phủ, đòi ban hành Hiến pháp và thành lập Quốc hội (Medjlis). Toàn quốc đã nổi dậy hưởng ứng và ủng hộ phong trào ở Têhêran. Một bộ phận quân đội cũng ngả theo cách mạng. Nhân dân tẩy chay hàng hoá nước ngoài. Ở miền Nam những cuộc đấu tranh lớn chống thực dân Anh đã nổ ra liên tục. Đặc biệt mạnh mẽ, rộng lớn là phong trào nông dân tự phát ở miền Bắc năm 1906, rồi lan sang miền Nam với nhiều hình thức đấu tranh như không nộp tô thuế, tấn công các dinh thự của quý tộc phong kiến, đánh chiếm kho dự trữ lương thực

của nhà nước chia cho nhau cứu đói. Năm 1907 cũng đánh dấu bước phát triển mạnh mẽ hình thức bãi công của công nhân, viên chức. Qua phong trào, công nhân bắt đầu thành lập công đoàn, ra đời những nhóm Xã hội Dân chủ và tự gọi là Đảng xã hội dân chủ. Trong cao trào cách mạng ở Iran, tổ chức Mijabét (Hội những người đấu tranh cho chính nghĩa) là lực lượng cách mạng có ảnh hưởng lớn nhất. Thành phần của tổ chức này bao gồm thương nhân, thợ thủ công, tầng lữ lớp dưới, chủ đất nhỏ, nông dân nghèo, thị dân, công nhân. Cương lĩnh của Mijabét là những yêu sách dân chủ tư sản: đòi độc lập và những quyền dân sinh dân chủ cho nhân dân. Ngoài ra còn có tổ chức cách mạng Endjumen do tư sản lãnh đạo với cương lĩnh chống đế quốc, chống phong kiến.

Trước cao trào cách mạng của nhân dân, quốc vương Iran nhượng bộ, cho phép bầu cử Quốc hội khoá I, ban hành Hiến pháp Iran (12-1906), theo đó quyền lực của nhà vua bị hạn chế bởi Quốc hội. Iran bước sang chính thể Quân chủ nghị viện.

Tháng 1 năm 1907, Quốc vương Môja Letdin chết, Hoàng tử Môhamét Ali lên kế vị (1907-1909). Được sự ủng hộ của các lực lượng phản động và đế quốc nước ngoài, Môhamét Ali mưu đồ xoá bỏ thành quả cách mạng, bác bỏ Hiến pháp, giải tán Quốc hội. Hành động phản bội của Môhamét Ali đẩy Iran vào một cao trào cách mạng mới, lật đổ Môhamét Ali tháng 7 năm 1909, Hiến pháp 1906-1907 được khôi phục. Một chính phủ mới được thành lập do Xênada, xuất thân là địa chủ đứng đầu. Tháng 9 năm 1909 Quốc hội khoá II được triệu tập. Nhưng tư sản và địa chủ

⁸ Best: Quyền bất khả xâm phạm của những người ở Thánh đường. Chính quyền không được bắt hoặc đàn áp những người đã vào thánh đường ngôi Best.

⁹ Nguyễn Thị Thư, Nguyễn Hồng Bích, Nguyễn Văn Sơn. Lịch sử Trung-Cận Đông. NXB Giáo dục. H. 2004. Tr. 178.

không muốn đẩy cách mạng đi lên nữa. Tháng 12 năm 1911 do sự can thiệp quân sự của Anh và Nga, cách mạng Iran thất bại.

Cách mạng Iran năm 1905-1911 là một cuộc cách mạng tư sản chống đế quốc, chống phong kiến. Cách mạng lan tràn trong cả nước với sự tham gia của mọi giai cấp và mọi tầng lớp nhân dân: công nhân, nông dân, dân nghèo thành thị, tư sản dân tộc, tiểu tư sản trí thức, tầng lữ với nhiều hình thức đấu tranh phong phú và mới mà trước đó chưa từng có trong lịch sử Iran. Kết quả lớn nhất của cách mạng 1905-1911 là đưa Iran từ nước quân chủ chuyên chế thành nhà nước quân chủ nghị viện, một số cải cách chính trị được thực hiện. Tuy nhiên, những vấn đề cơ bản của cách mạng chưa được giải quyết như độc lập dân tộc, quyền dân chủ cho nhân dân, ruộng đất cho nông dân. Các thế lực phong kiến vẫn tiếp tục giữ vai trò lớn trong nền chính trị đất nước. Iran phụ thuộc hơn nữa vào các cường quốc tư bản phương Tây. Iran vẫn là nước nửa thuộc địa nửa phong kiến, vẫn còn phải tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ.

Cách mạng Iran năm 1905-1911 dù hạn chế nhưng đã giáng đòn mạnh mẽ vào chế độ phong kiến, vào chủ nghĩa thực dân, đã góp phần thức tỉnh nhân dân các nước thuộc địa. Lênin viết: "Quần chúng cần lao các xứ thuộc địa và nửa thuộc địa họp thành đại đa số dân cư trên toàn cầu đã thức tỉnh và đi vào đời sống chính trị ngay từ đầu thế kỷ XX, nhất là nhờ các cuộc cách mạng ở Nga, Thổ, Ba Tư và Trung Quốc"¹⁰.

¹⁰ Lênin. Bàn về Phương Đông. NXB Sự Thật. H. 1957. tr.37

2. Cách mạng Hồi giáo năm 1979

Sau Đại chiến thế giới thứ II (1939-1945), Anh và Mỹ đều muốn xâm nhập vào Iran. Mỹ đã đạo diễn cho các lực lượng thân Mỹ tiến hành cuộc đảo chính lật đổ chính phủ tiến bộ Mossadegh ngày 19-8-1953. Chính phủ này đã chống lại Anh - Mỹ, quốc hữu hoá "Công ty dầu mỏ Anh - Iran", trong đó có nhiều quyền lợi của tư bản Mỹ. Một chế độ độc tài phái hữu được thiết lập do Shah (Quốc vương) Palêvi đứng đầu. Chính phủ này được Mỹ ủng hộ và giúp đỡ. Ngày 5-8-1954 chính phủ Iran ký hiệp định có giá trị 25 năm với "Tổ hợp công ty dầu mỏ", trong đó vốn của Mỹ chiếm phần lớn. Ngoài ra, Iran còn tham gia hệ thống quân sự Tây Âu. Ngày 3 tháng 11 năm 1955, Iran gia nhập Hiệp ước Bátđá. Iran là thành viên khối quân sự CENTO. Sau Ixraen, Iran là nước được Mỹ viện trợ quân sự nhiều nhất ở Trung Đông. Từ năm 1972 đến 1976 Mỹ viện trợ cho Iran những vũ khí hiện đại nhất trị giá 10,4 tỉ USD. Mỹ đã xây dựng hàng chục căn cứ quân sự trên khắp lãnh thổ Iran. Trong cuộc chạy đua vào Iran, Mỹ đã thắng thế. Iran bắt đầu giai đoạn thân Mỹ, đi theo con đường phương Tây hoá. Các giá trị truyền thống dân tộc và tôn giáo bị phá vỡ, vai trò tầng lữ trong đời sống xã hội ngày càng bị thu hẹp. Chính sách của chế độ Palêvi mở đường cho Mỹ xâm nhập vào Iran, Iran phụ thuộc Mỹ về kinh tế, chính trị, quân sự. Iran biến thành căn cứ, bàn đạp quân sự của Mỹ ở Trung Đông. Chính sách của chính phủ Palêvi không chỉ bán cùng hoá nhân dân lao động mà còn xâm phạm đến địa vị kinh tế, chính trị của tầng lữ Hồi giáo.

Chính sách của chính phủ Palêvi làm cho tầng lớp và nhân dân bất mãn. Từ năm 1963 phong trào đấu tranh chống chế độ Palêvi do giáo chủ Khomeini đứng đầu bùng phát mạnh mẽ. Chính phủ Palêvi thẳng tay đàn áp, giết hại nhiều giáo chủ cao cấp. Giáo chủ Khomeini phải lưu vong ra nước ngoài nhưng ông vẫn lãnh đạo cuộc đấu tranh trong nước.

Năm 1978 các cuộc biểu tình chống chế độ Palêvi phát triển. Phong trào trở thành cao trào năm 1979. Ngày 7-1-1979 một vạn sinh viên thành phố Kum bãi khoá biểu tình. Từ đó bãi công, biểu tình lan rộng cả nước. Ngày 16 tháng 1 năm 1979, vua Palêvi hoảng sợ bỏ chạy ra nước ngoài. Ngày 1 tháng 2 năm 1979 một triệu người mít tinh ở Têhêran đón giáo chủ Khomeini về nước. Chính quyền Palêvi sụp đổ. Ngày 12 tháng 2 năm 1979, Hội đồng cách mạng do Giáo chủ Khomeini đứng đầu được thành lập. Ngày 1 tháng 4 năm 1979 Hội đồng cách mạng tuyên bố thành lập nước Cộng hoà Hồi giáo Iran. Một chính phủ lâm thời do Bazargan đứng đầu được thành lập. Vì cản trở cách mạng, tháng 11 năm 1979 chính phủ này bị phế bỏ. Hội đồng cách mạng do Khomeini đứng đầu đảm nhận nhiệm vụ chính phủ. Chính phủ này đã ra sức thực hiện đường lối đưa đất nước thoát khỏi sự phụ thuộc vào Mỹ và phương Tây về kinh tế, chính trị và quân sự. Hội đồng cách mạng đã đưa ra "Đường lối giáo chủ" bao gồm 4 điều:

- Kẻ thù chính của cách mạng Iran là chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ.

- Cách mạng Iran là cách mạng của những người đang sống trong các túp lều

chống lại những kẻ đang sống trong cung điện.

- Bảo vệ và tôn trọng các quyền tự do dân chủ của nhân dân.

- Đẩy lùi cuộc tấn công của các thế lực phản cách mạng, đập tan mọi âm mưu và tội ác của chúng.

Cộng hoà Hồi giáo Iran đã đem lại ruộng đất cho nông dân cày cấy, thủ tiêu những cơ quan nhà nước của chế độ cũ. Các đảng phái ủng hộ cách mạng được công khai hợp pháp hoạt động, trong đó có Đảng nhân dân Iran. Chính phủ cách mạng đã quốc hữu hoá 70% xí nghiệp của tư bản trong và ngoài nước, quốc hữu hoá ngân hàng, công ty tư nhân và tài sản của Hoàng gia. Cộng hoà Hồi giáo Iran cắt đứt quan hệ ngoại giao với Mỹ, 4000 cố vấn Mỹ bị trục xuất khỏi Iran, đóng cửa các căn cứ quân sự Mỹ trên lãnh thổ Iran. Iran xoá bỏ các hiệp ước bất bình đẳng với các nước phương Tây và với Mỹ, rút ra khỏi khối quân sự CENTO. Cộng hoà Hồi giáo Iran ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Palestin, thiết lập quan hệ với PLO, cắt đứt quan hệ ngoại giao với Israen.

Ngày 4 tháng 11 năm 1979 những người Iran biểu tình chống Mỹ đã chiếm sứ quán Mỹ, bắt các nhân viên ngoại giao Mỹ làm con tin. Tổng thống Mỹ Carter dùng máy bay đột kích nhằm giải cứu các con tin nhưng thất bại làm ảnh hưởng mạnh mẽ đến uy tín của tổng thống Mỹ.

Cuộc cách mạng Hồi giáo Iran năm 1979 mang màu sắc tôn giáo, lãnh đạo là giới tăng lữ Hồi giáo dòng Siai. Nhưng thực chất đây là cuộc cách mạng dân tộc

dân chủ chống đế quốc (Mỹ) và chống phong kiến, nhằm thủ tiêu chế độ quân chủ, thành lập nền cộng hoà, đưa Iran thoát khỏi sự phụ thuộc vào chủ nghĩa đế quốc Mỹ. Cách mạng Iran đã giáng đòn nặng vào chính sách của Mỹ ở Trung Đông. Mỹ đã mất đi một đồng minh, một địa bàn lý tưởng về quân sự, một quốc gia giàu có về dầu lửa. Cách mạng Hồi giáo Iran làm các nước đồng minh của Mỹ lo ngại về ảnh hưởng dây chuyền của nó trong khu vực. Nhằm ngăn chặn ảnh hưởng cách mạng Iran cùng với việc tranh giành đất đai ở vùng biên giới đã làm bùng nổ cuộc chiến tranh Iran - Irắc tàn khốc 8 năm trời (1980-1988), để lại hậu quả vô cùng nặng nề cho cả hai nước. Quan hệ giữa Iran với Mỹ và với đồng minh của Mỹ cho đến ngày nay vẫn không được cải thiện. Ngày nay quan hệ giữa Iran và Mỹ lại càng căng thẳng do vấn đề hạt nhân của Iran. Mối quan hệ căng thẳng này còn là do cuộc cách mạng Iran đã giáng cho Mỹ một đòn chí mạng, tạo nên một nước cộng hoà đối lập với Mỹ.

Cộng hoà Hồi giáo Iran ban hành Hiến pháp năm 1979, theo đó thiết chế chính trị là nhà nước Cộng hoà đại nghị. Tổng thống đứng đầu nhà nước, là nguyên thủ quốc gia. Tổng thống do nhân dân bầu cử, nhiệm kỳ 4 năm. Quốc hội 1 viện gồm 274 nghị sĩ nắm quyền lập pháp, nhiệm kỳ 4 năm. Thủ tướng do Tổng thống chỉ định đứng đầu chính phủ nắm quyền hành pháp. Toà án tối cao nắm quyền tư pháp. Cơ cấu lãnh thổ đơn nhất gồm 24 tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương. Iran là thành viên của Liên hợp quốc, Tổ chức các

nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC).

Quốc khánh Iran ngày 1 tháng 2 năm 1979.

Ngày 4 tháng 8 năm 1973 Iran thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam cấp Đại sứ.

KẾT LUẬN

Iran là quốc gia ở vào vị trí chiến lược quan trọng, có lịch sử lâu đời. Lịch sử Iran cũng như lịch sử các dân tộc khác phát triển theo qui luật thăng trầm theo chiều hướng ngày càng phát triển. Nhưng dù trong hoàn cảnh thăng trầm gian khổ như thế nào, nhân dân Iran với truyền thống kiên cường, bất khuất luôn đấu tranh bảo vệ độc lập dân tộc, bảo vệ chủ quyền thiêng liêng của đất nước, giành quyền sống, quyền tự do, hạnh phúc, quyền dân sinh dân chủ. Lịch sử Iran cổ - trung đại, đặc biệt là lịch sử cận - hiện đại với hai cuộc cách mạng dân tộc dân chủ 1905-1911 và cách mạng Hồi giáo 1979 đã nói lên chân lý đó.

Tài liệu tham khảo

1. Lê nin, *Bàn về phương Đông*, NXB Sự thật. H.1957.
2. Tủ sách Đại học Tổng hợp, *Giáo trình lịch sử thế giới cận đại*, Phần 2. H. 1973.
3. Nguyễn Thị Thư, Nguyễn Hồng Bích, Nguyễn Văn Sơn, *Lịch sử Trung-Cận Đông*, NXB Giáo dục. H. 2004.
4. Cao Văn Liên, *Lịch sử 200 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới*, NXB Lao Động. H. 2007.